

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển hệ dự bị đại học
năm học 2026 - 2027 của trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC DÂN TỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BGDĐT ngày 22/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường Dự bị đại học;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-BD TTG, ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục mầm non đối với dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số 3527/BGDĐT-GDPT ngày 11/6/2026 về việc phê duyệt Đề án tuyển sinh dự bị đại học năm học 2026-2027 của Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương,

Căn cứ Thông báo số 396/TB-DBĐHDTTW ngày 15/6/2026 về việc Tuyển sinh hệ dự bị đại học năm học 2026-2027, trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, tỉnh Phú Thọ - CEPU;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh Nhà trường vào hồi 21h00 ngày 19 tháng 8 năm 2026 về việc xác định điểm chuẩn trúng tuyển vào học hệ dự bị đại học năm học 2026 - 2027;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điểm chuẩn trúng tuyển hệ dự bị đại học năm học 2026-2027 của trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương, cụ thể như sau:



Stt	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Điểm chuẩn trúng tuyển dựa theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	Điểm chuẩn trúng tuyển dựa theo kết quả học tập lớp 10, 11, 12 ở cấp THPT (xét học bạ)	Ghi chú
1	Toán, Ngữ văn, Vật lí	C01	22,25	25,45	Cộng 1,5 điểm vào tổng điểm xét tuyển đối với thí sinh người dân tộc thiểu số đủ điều kiện xét tuyển, thường trú từ 18 tháng liên tục trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ áp dụng đối với thí sinh người dân tộc thiểu số.
2	Toán, Ngữ văn, Hoá học	C02	24,00	26,00	
3	Toán, Ngữ văn, Sinh học	B03	21,50	25,00	
4	Toán, Ngữ văn, Lịch sử	C03	22,65	25,85	
5	Toán, Ngữ văn, Địa lí	C04	22,00	25,50	
6	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	D01	16,15	20,20	
7	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật	X01	19,00	25,00	
8	Toán, Vật lí, Hóa học	A00	18,65	23,65	
9	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	A01	16,00	21,65	
10	Toán, Hóa học, Sinh học	B00	18,00	22,85	
11	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	D07	22,20	25,00	
12	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00	23,65	25,35	
13	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật	X70	23,00	26,00	
14	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật	X74	20,00	25,25	
15	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	D14	24,00	26,00	
16	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	D15	21,70	26,00	

Điều 2. Hội đồng tuyển sinh; Lãnh đạo các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Nông Thị Hà - Bộ DTTG (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thương - Bộ GDĐT (để b/c);
- Vụ TCCB - Bộ DTTG (để b/c);
- Vụ GDPT - Bộ GDĐT (để b/c);
- Bộ phận truyền thông (để đăng website);
- Lưu: VT, BDQLCL

**HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**


TS. Nguyễn Tuấn Anh